

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2026

V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đăng Bôi.

Bà Đỗ Thị Kim Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân khu vực 11 - Hà N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà N tham gia phiên tòa:
Ông Tô Quốc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 303/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Phương N, sinh năm 2002; Trú tại: Thôn Tư C, xã Chuyên M, thành phố Hà N (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn Đỗ X, xã Phú X, thành phố Hà N (Xin xử vắng mặt).

N DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Phương N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn năm 2001, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Đ, huyện Thường T, thành phố Hà N (Nay là UBND xã Phú X, thành phố Hà N). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng bình thường. Đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm và lối sống, anh Q không chăm lo kinh tế gia đình, dẫn đến thường X cãi vã, xúc phạm nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng ly thân từ thời điểm đó, chị đem các con về nhà mẹ đẻ ở, không ai quan tâm đến ai. Từ Tết năm 2025 thì anh Q đón các con về. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng

chị không còn quan hệ tình cảm lẫn kinh tế. Nay chị Xc định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh Q. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/11/2021 và cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 19/3/2023. Hiện nay, các con đang ở với anh Q, nếu ly hôn chị đồng ý giao các con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng để thuận tiện cho sinh hoạt, ăn ở của các con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Q trình bày về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân và biểu hiện của mâu thuẫn, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị N trình bày là đúng. Sau khi chị N bỏ về nhà mẹ đẻ sống, anh và mẹ anh đã xuống nhà chị N hòa giải nhiều lần nhưng chị N không về. Nay chị N xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/11/2021 và cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 19/3/2023. Hiện các con đang ở với anh, nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng để thuận tiện cho sinh hoạt, ăn ở của các con, anh không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bận công việc, anh xin được vắng mặt không đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà N tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo P luật của Thẩm phán: Về quan hệ P luật và tư cách đương sự: Tòa án Xc định đúng và đầy đủ; Về thẩm Q giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà N thụ lý và giải quyết đúng thẩm Q. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của P luật; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các Q và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các Q và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng...Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự quy định. Về N dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, xử: Cho chị N ly hôn anh Q. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/11/2021 và cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 19/3/2023, giao cho anh Q trực tiếp nuôi cả 02 con, tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; chị N có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên Xc nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Về Q kháng cáo: Các đương sự được Q kháng cáo bản án theo quy định P luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn được cấp cùng lời trình bày của các đương sự, có cơ sở để Xc định đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Q thường trú tại xã Phú X, thành phố Hà N, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà N.

[2] Về N dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Phương N và anh Nguyễn Văn Q được Xc lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp P. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống, cuộc sống chung không hạnh phúc dẫn đến hôn nhân chỉ còn là hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, từ tháng 6/2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Chị N Xc định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn anh Q, anh Q đồng ý ly hôn. Xét đề nghị của chị N, quan điểm của anh Q phù hợp theo quy định P luật nên được Tòa án chấp nhận, cho chị N ly hôn anh Q. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/11/2021 và cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 19/3/2023, hiện các cháu đang ở với anh Q. Khi ly hôn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con để thuận tiện cho sinh hoạt, ăn ở, chị N đồng ý giao các con cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị của các đương sự phù hợp quy định P luật nên được chấp nhận. Anh Q không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; chị N có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự Xc nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Phương N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của P luật.

[4] Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo bản án theo quy định của P luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Bùi Thị Phương N đối với anh Nguyễn Văn Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Phương N ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Huyền M, sinh ngày 21/11/2021 và cháu Nguyễn Anh P, sinh ngày 19/3/2023. Giao cả 02 con cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N có Q, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N, anh Q Xc nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Phương N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai số 0012114 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà N. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về Q kháng cáo: Chị N có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Q có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà N;
- VKSND TP Hà N;
- VKSND khu vực 11 – Hà N;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà N;
- UBND xã Phú X, TP Hà N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Tuyển